TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 516/2025/HS-ST
Ngày 26-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mỹ;

Bà Trần Thị Đẹp;

Ông Nguyễn Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 8 năm 2025 tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 256/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Lan A sinh năm 1993 tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: tổ E, khu phố Tân B, phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị Chính Ngh; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 03 tháng 4 năm 2023 cho đến nay, có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Lan A:* Bà Bùi Thị H1 – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Tri A2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Trần C sinh năm 1986; nơi cư trú: F, khu phố Hưng L, phường Hưng Đ, thành phố Thuận A2, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thuận A2, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

2. Bà Trần Thị L3 sinh năm 1981; nơi cư trú: A2, tổ E, khu phố Q,

phường Tân Ph, thành phố Biên H3, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Tân Tr, tỉnh Đồng Nai), có mặt;

3. Ông Nguyễn Thành Đ2 sinh năm 1980; nơi cư trú: khu phố D, thị trấn Tân Th2, huyện Bắc Tân U2, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bắc Tân U2, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

4. Ông Nguyễn Quyết Ch2 sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ E, khu phố Tân B, phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt khi tuyên án;

5. Ông Bùi Văn Th4 sinh năm 1989; nơi cư trú: Số X2, đường X3, phường Phú L3, thành phố Thủ Dầu M3, tỉnh Bình Dương (nay là phường Phú L3, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

6. Ông Phạm Văn Ch5 sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà X4, khối C, khu phố X5, phường Hiệp Th5, thành phố Thủ Dầu M3, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thủ Dầu M3, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt khi tuyên án;

7. Ông Vũ Văn T4 sinh năm 1987; nơi cư trú: Số X6. khu nhà ở Thái Bình D2, đường Bình Ch4, khu phố Bình Ph4, phường Bình Ch6, thành phố Thuận A2, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thuận Gi2, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

8. Ông Đỗ Ngọc T6 sinh năm 1993; nơi cư trú: B, đường Bình H7, khu phố Đông B3, phường Bình H8, thành phố Thuận A2, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình H8, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

9. Bà Lê Thị Ch4 sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp Chòi D6, xã Bình M3, huyện Bắc Tân U2, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình C4, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

10. Bà Võ Thị X2 sinh năm 1991; nơi cư trú: khu phố T3, phường Đông H9, thành phố Dĩ A4, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đông H9, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

11. Bà Phạm Thị Thúy N2 sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ E, khu phố Tân B, phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

12. Ông Nguyễn Văn D5 sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ E, khu phố F, phường Hội Ngh4, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình C4, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

13. Ông Nguyễn Văn Q3 sinh năm 1983; nơi cư trú: Đường ĐT Q4, Cầu Khánh V3, tổ X4, khu phố Khánh L3, phường Tân Phước Kh3, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Kh3, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt khi tuyên án;

14. Ông Phạm Quang Tr3 sinh năm 1962; nơi cư trú: khu phố Ông Đ5, phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh4 sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn E2, xã E4, huyện Cư M5, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Cư M5, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy D3 sinh năm 1984; nơi cư trú: C6, khu phố DA, phường Thạnh L5, quận X5, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường An Ph6 Đ6, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Bá H9 sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ E, khu phố Tân B, phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

4. Ông Nguyễn Đức L7 sinh năm 1993; nơi cư trú: chung cư B4, khu phố X5, phường An Ph6, thành phố Thuận A2, tỉnh Bình Dương (nay là phường An Ph6, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

5. Bà Hoàng Thị Kim D10 sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Bà Đ7, xã Tân Đ11, huyện Bắc Tân U2, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bắc Tân U2, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

6. Ông Lê Thế D12 sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ E, khu phố An Th5, phường Thái H13, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Kh3, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

7. Ông Nguyễn Kim Ph7 sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ X8, khu phố An Th5, phường Thái H13, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Kh3, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

8. Ông Vũ Văn Qu4 sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn X9, xã Vĩnh H14, huyện Vĩnh L9, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Vĩnh L9, tỉnh Thanh Hóa), có mặt;

9. Ông Vũ Văn A6 sinh năm 1997; nơi cư trú: Số X8, khu phố Bình H14, phường Tân Phước Kh3, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Kh3, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

10. Ông Trần Văn Tr7 sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ X10, khu phố Tân Ph7, phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

11. Ông Thái Minh T8 sinh năm 1976; nơi cư trú: khu phố X12, phường Hiệp A6, thành phố Thủ Dầu M3, tỉnh Bình Dương (nay là phường Phú A7, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt khi tuyên án;

12. Bà Phan Thị H13 sinh năm 1974; nơi cư trú: khu phố Tân B, phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

13. Ông Nguyễn Thanh L7 sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ X10, khu phố Tân H14, phường Tân Vĩnh H15, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Kh3, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Thanh L7: Ông Huỳnh Tuấn Đ8, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ E, ấp Đồng S2, phường Bình C4, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn L7: Bà Thân Thị Thu Ph5 - Luật sư Công ty Luật TNHH NGOC S3 – Chi nhánh Thủ Dầu M3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt khi tuyên án;

14. Ông Nguyễn Văn Ch6 sinh năm 1985; nơi cư trú: khu phố Tân B, phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

15. Bà Nguyễn Thị D9 sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Quảng B4, xã Đông C6, huyện Kim Th10, tỉnh Hải Dương (nay là xã Kim Th10, Thành phố Hải Phòng), vắng mặt;

16. Ông Phạm Đức L9 sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Nhựt H15, phường Tân Vĩnh H15, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Kh3, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

17. Ông Lê Xuân S4, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ E, khu phố Tân B, phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Lan A làm nghề kinh doanh, môi giới bất động sản, kinh doanh nhà hàng tiệc cưới Lan A và kinh doanh cơ sở massage Triều Ch7 tại thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương. Quá trình kinh doanh, do thua lỗ nên Lan A vay mượn tiền của nhiều người. Từ năm 2017 đến năm 2023, do không có tiền trả nợ cho các khoản vay bên ngoài nên Lan A đã đặt người trên mạng xã hội Facebook làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Lan A tự làm giả tài liệu là các hợp đồng chuyển nhượng, đặt cọc…, đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc pháp lý của nhiều thửa đất khác nhau để lừa các ông, bà: Ông Trần C (sinh năm: 1986,

nơi cư trú: phường Hưng Đ, thành phố Thuận A2, tỉnh Bình Dương), bà Trần Thị L3 (sinh năm: 1981, nơi cư trú: phường Tân Ph, thành phố Biên H3, tỉnh Đồng Nai), ông Nguyễn Thành Đ2 (sinh năm: 1980, nơi cư trú: thị trấn Tân Th2, huyện Bắc Tân U2, tỉnh Bình Dương), ông Nguyễn Quyết Ch2 (sinh năm 1976: nơi cư trú: phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương), ông Bùi Văn Th4 (sinh năm: 1989, nơi cư trú: Xã Cẩm T9, huyện Cẩm Th8, tỉnh Thanh Hóa), ông Phạm Văn Ch5 (sinh năm: 1987, nơi cư trú: phường Hiệp Th5, thành phố Thủ Dầu M3, tỉnh Bình Dương), ông Vũ Văn T4 (sinh năm: 1987, nơi cư trú: phường Bình Ch6, thành phố Thuận A2, tỉnh Bình Dương), ông Đỗ Ngọc T6 (sinh năm: 1993, nơi cư trú: Xã Quốc T10, huyện Kiến X2, tỉnh Thái Bình), bà Lê Thị Ch4 (sinh năm: 1973, nơi cư trú: xã Bình M3, huyện Bắc Tân U2, tỉnh Bình Dương), bà Võ Thị X2 (sinh năm: 1991, nơi cư trú: xã Nghĩa M2, huyện Nghĩa Đ5, tỉnh Nghệ An), bà Phạm Thị Thúy N2 (sinh năm: 1980, nơi cư trú: Xã Minh Kh3, huyện Vũ Th5, tỉnh Thái Bình), ông Nguyễn Văn D5 (sinh năm: 1981, nơi cư trú: xã Xuy X3, huyện Mỹ Đ4, thành phố Hà Nội) và ông Nguyễn Văn Q3 (sinh năm: 1983, nơi cư trú: Xã Minh Th6, huyện Vụ B6, tỉnh Nam Định); ông Phạm Quang Tr3 (sinh năm 1962, nơi cư trú: khu phố Ông Đ5, phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương) tin tưởng giao tiền cho Lan A. Sau khi có tiền Lan A sử dụng một phần vào việc trả nợ, tạo lòng tin để vay các khoản tiền tiếp theo, số tiền còn lại Lan A chiếm đoạt tiêu xài cho mục đích cá nhân. Hành vi của Lan A thể hiện cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Thửa đất số X8, tờ bản đồ số X9, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Thị D9 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được bà D5 tự phân lô ra thành nhiều thửa đất nhỏ (không được chấp thuận của Cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền*)* để bán lại cho khách hàng (trong đó có thửa đất diện tích 120m^2) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay (không công chứng). bà D5 giao quyền lại cho bà Nguyễn Thị T16 bán cho khách hàng.

Do biết được thông tin trên nên Lan A đã làm giả Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay giữa bà Nguyễn Thị D9 với Lan A đối với thửa đất nêu trên, thuộc một phần thửa đất số X8 để lừa dối bán lại cho người khác nhằm chiếm đoạt tiền của người mua.

Sau khi có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả Lan A giao lại cho người môi giới để tìm kiếm người mua lại. Để lừa dối được người mua, khi giao lại cho môi giới, Lan A nói thửa đất trên mua lại từ bà D5 và Lan A bán với giá 450.000.000 đồng. Sau khi giao lại cho môi giới, thời gian sau đó bà Trần Thị L3 trực tiếp liên hệ với Lan A và thỏa thuận thống nhất mua với giá 470.000.000

đồng. Đồng thời, cả hai thỏa thuận trong quá trình bà L3 đặt cọc nếu bà L3 tìm kiếm được khách hàng mua lại với giá cao hơn thì sẽ thông báo để Lan A thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng với khách hàng của bà L3 và sẽ giao lại phần tiền lời chênh lệch giữa giá bà L3 mua của Lan A và giá bà L3 bán cho khách hàng. Sau khi thỏa thuận bà L3 đã 02 lần đặt cọc cho Lan A 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng ông C đặt cọc, bà L3 đã giao cho Lan A.

Sau đó, bà L3 bán cho ông Trần C với giá 540.000.000 đồng và yêu cầu Lan A trực tiếp lập Hợp đồng chuyển nhượng với ông C. Ngày 14/5/2021, bà L3 hẹn Lan A đến Văn phòng Thừa phát lại Thuận A2, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương tiến hành lập Hợp đồng chuyển nhượng với ông C và giao nhận tiền. Tại đây, ông C trực tiếp giao 490.000.000 đồng cho Lan A để thanh toán tiền mua đất. Sau khi ông C giao tiền, Lan A giao cho ông C Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được Lan A làm giả đối với phần diện tích đất trên giữa Lan A và bà D5 để ông C giữ. Đồng thời giữa Lan A và ông C lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 120m^2 đất trên với giá 540.000.000 đồng và lập Vi bằng xác nhận giao nhận số tiền ông C giao cho Lan A.

Sau khi nhận tiền từ ông C, thì Lan A giao lại 220.000.000 đồng cho bà L3 và người môi giới của bà L3 (trong đó 150.000.000 đồng là tiền bà L3 đặt cọc trước đó cho Lan A và 70.000.000 đồng tiền lợi nhuận chênh lệch mà bà L3 và người môi giới của bà L3 được hưởng khi bán lại cho ông C).

Thời gian sau đó do thửa đất trên không Th4ộc quyền sở hữu của Lan A mà của ông Nguyễn Đức L7 (sinh năm: 1993, nơi cư trú: xã Dliê Y2, huyện E5, tỉnh Đắk Lắk) làm chủ sở hữu nên giữa ông C và ông L7 xảy ra tranh chấp. Lúc này, ông C yêu cầu Lan A trả lại tiền thì Lan A thỏa thuận với ông L7 sẽ mua lại thửa đất trên để khắc phục cho ông C. Do vậy, Lan A đã đặt cọc 50.000.000 đồng cho ông L7. Tuy nhiên, sau đó do không có tiền thanh toán nên việc mua bán không được thực hiện.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ ông Trần C các tài liệu gồm: 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ghi ngày, tháng, năm*)* giữa bà Nguyễn Thị D9 và Nguyễn Thị Lan A*;* 01 Hợp đồng mua bán đất ngày 14/5/2021 giữa ông Trần C với bà Nguyễn Thị Lan A; 01 Vi bằng số: 408/2021/VB-TPL ngày 14/5/2021 của Văn phòng Thừa phát lại Thuận A2.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 48/KL-KTHS (TL-ĐV) ngày 20/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ghi ngày, tháng, năm*)* giữa

bà Nguyễn Thị D9 và Nguyễn Thị Lan A là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 01 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị D9" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ghi ngày, tháng, năm*)* giữa bà Nguyễn Thị D9 và Nguyễn Thị Lan A không phải do bà Nguyễn Thị D9 ký, viết và in ra.

+ 01 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị D9" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ghi ngày, tháng, năm*)* giữa bà Nguyễn Thị D9 và Nguyễn Thị Lan A do Nguyễn Thị Lan A in ra.

* Căn cứ Kết luận giám định số: 576/KL-KTHS (TL-VT) ngày 24/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương tiến hành giám định đối với: Hợp đồng mua bán đất đề ngày 14/5/2021 giữa ông Trần C với Nguyễn Thị Lan A kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng mua bán đất ngày 14/5/2021 giữa ông Trần C với Nguyễn Thị Lan A là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Trần C" trên Hợp đồng mua bán đất ngày 14/5/2021 giữa ông Trần C với Nguyễn Thị Lan A là do ông Trần C ký, viết và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất đất số X8, tờ bản đồ số X9, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định: Thửa đất trên được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố*)* Tân U, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị D9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 445xxx, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H03xxx ngày 31/3/2008 với diện tích 2.537m^2. bà D5 tự phân lô tách ra thành nhiều thửa đất diện tích nhỏ (trong đó có diện tích 120m^2). Ngày 09/4/2008, bà D5 lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay bán diện tích 120m^2 đất thuộc thửa đất nêu trên cho ông Hà Ngọc S5, đến ngày 20/8/20017 ông S5 bán lại cho ông Đặng Bá H17 và sau đó ông H17 bán lại cho ông Nguyễn Đức L7 vào ngày 01/4/2018. Thửa đất trên không Th4ộc quyền sử dụng của Nguyễn Thị Lan A.

Như vậy, bằng thủ đoạn làm giả Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Lan A lừa dối chiếm đoạt của ông Trần C 470.000.000 đồng. Còn 70.000.000 đồng bà L3 nhận tiền chênh lệch buộc bà L3 trả lại cho ông C.

Vụ thứ hai: Thửa đất số 13xx, tờ bản đồ số K, tại phường Tân H, thành phố Thủ Dầu M3, tỉnh Bình Dương trước đây do bà Nguyễn Thị Hồng Nh4 (sinh năm: 1991, nơi cư trú: xã Mỹ L9, huyện Phù M5, tỉnh Bình Định) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được bà Nh4 ủy quyền cho bà Nguyễn

Thị Thúy D3 (sinh năm: 1984, nơi cư trú: phường Thạnh L5, quận X5, Thành phố Hồ Chí Minh) để bà D3 tự phân lô bán lại cho khách hàng (trong đó có thửa đất 102m^2) theo hình thức lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay. Sau đó, phần diện tích 102m^2 nêu trên Lan A mua và bán lại cho bà Phan Thị H13 (sinh năm: 1974, nơi cư trú: phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương). Để chiếm đoạt được tiền của bà Trần Thị L3 (có lai lịch nêu trên), Lan A đã làm giả 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay (không công chứng*)* thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị Hồng Nh4 bán lại phần diện tích 102m^2 thuộc thửa đất số 13xx, tờ bản đồ số K, tại phường Tân H, thành phố Thủ Dầu M3, tỉnh Bình Dương cho Lan A vào ngày 05/8/2017.

Sau khi có Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả, Lan A giới thiệu cho bà Trần Thị L3 mua lại. Để bà L3 tin tưởng, Lan A nói mua lại từ bà Nh4 trước đó, đồng thời đưa cho bà L3 xem Hợp đồng chuyển nhượng giả nêu trên. Do tin tưởng thửa đất trên của Lan A nên bà L3 đồng ý mua lại với giá 560.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, thông qua môi giới bà L3 đặt cọc trước cho Lan A 50.000.000 đồng và hẹn sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng sẽ trả 510.000.000 đồng còn lại. Ngày 15/5/2021, Lan A cùng bà L3 ra Văn phòng Thừa phát lại Thuận A2, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương để thực hiện ký kết Hợp đồng mua bán. Tại đây, Lan A và bà L3 lập Hợp đồng chuyển nhượng đất đối với phần diện tích 102m^2 đất nêu trên và bà L3 trực tiếp giao cho Lan A 510.000.000 đồng để thanh toán phần tiền mua đất còn lại. Đồng thời cả hai lập Vi bằng để ghi nhận việc bà L3 giao tiền cho Lan A. Tuy nhiên do có nhu cầu bán lại cho khách hàng với giá cao hơn nên bà L3 và Lan A lập Hợp đồng chuyển nhượng và Vi bằng xác nhận giá 580.000.000 đồng.

Sau đó, bà L3 phát hiện Lan A lừa dối chiếm đoạt số tiền trên nên bà L3 đã tìm gặp Lan A để yêu cầu trả lại tiền. Lan A đã trả được cho bà L3 40.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 520.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ bà Trần Thị L3 các tài liệu gồm: 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/8/2017 giữa bà Nguyễn Thị Hồng Nh4 và Nguyễn Thị Lan A*;* 01 Hợp đồng mua bán đất ngày 15/5/2021 giữa bà Trần Thị L3 với Nguyễn Thị Lan A; 01 Vi bằng số: 411/2021/VB-TPL ngày 15/5/2021 của Văn phòng Thừa phát lại Thuận A2.

*Căn cứ Kết luận số: 48/KL-KTHS (TL-ĐV) ngày 20/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/8/2017 giữa bà Nguyễn Thị Hồng Nh4 và Nguyễn Thị Lan A kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/8/2017 giữa bà Nguyễn Thị Hồng Nh4 và Nguyễn Thị Lan A là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 01 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Hồng Nh4" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/8/2017 giữa bà Nguyễn Thị Hồng Nh4 và Nguyễn Thị Lan A không phải do bà Nguyễn Thị Hồng Nh4 ký, viết và in ra.

+ Chữ viết họ tên và 02 (hai) dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Hồng Nh4" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/8/2017 giữa bà Nguyễn Thị Hồng Nh4 và Nguyễn Thị Lan A do Nguyễn Thị Lan A viết, in ra.

*Căn cứ kết luận số: 576/KL-KTHS (TL-VT) ngày 24/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương tiến hành giám định Hợp đồng mua bán đất ngày 15/5/2021 giữa bà Trần Thị L3 với Nguyễn Thị Lan A kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng mua bán đất ngày 15/5/2021 giữa bà Trần Thị L3 với Nguyễn Thị Lan A là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay mang tên "Trần Thị L3" trên Hợp đồng mua bán đất ngày 15/5/2021 giữa bà Trần Thị L3 với Nguyễn Thị Lan A là do bà Trần Thị L3 ký, viết và in ra.

Như vậy, bằng thủ đoạn làm giả Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Lan A đã gian dối chiếm đoạt của bà Trần Thị L3 520.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Thửa đất số YYY tờ bản đồ số XX, tại phường Uyên H16, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương do ông Lê Thế D12 *(*sinh năm: 1974, nơi cư trú: phường Thái H13, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương) chuyển nhượng cho ông Nguyễn Kim Ph7 (sinh năm: 1987, nơi cư trú: Xã Anh Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên) vào ngày 29/7/2022 tại Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh M8, tỉnh Bình Dương và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố*)* Tân U, tỉnh Bình Dương đăng ký biến động chuyển tên từ ông D5 sang tên ông Phúc vào ngày 15/9/2022, ông Phúc không giao cho Lan A bán cho người khác.

Để chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Thành Đ2 (có lai lịch như trên), Lan A đã đưa ra thông tin gian dối đối thửa đất trên của Lan A đang có nhu cầu bán lại, nếu ông Đô đồng ý mua thì Lan A sẽ chuyển nhượng lại. Ông Đô được Lan A dẫn đi xem đất và đồng ý mua với giá 2.080.000.000 đồng. Do đó, ngày 07/9/2022 ông Đô và Lan A tiến hành lập Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, ông Đô giao cho Lan A 580.000.00 đồng thông qua chuyển khoản từ tài khoản số 0977033039 của ông Đô thuộc Ngân hàng

TMCP Sài Gòn Thương Tín đến tài khoản số X90819938 của Lan A thuộc Ngân hàng TMCP Á Châu. Lan A cam kết đến ngày 07/10/2022 sẽ thực hiện xong các thủ tục hồ sơ pháp lý chuyển nhượng cho ông Đô. Tuy nhiên sau đó Lan A không thực hiện và chiếm đoạt số tiền trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ ông Nguyễn Thành Đ2 01 Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/9/2022 giữa Lan A với ông Đô.

*Căn cứ Kết luận số: 93/KL-KTHS (TL-ĐV) ngày 09/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/9/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với ông Nguyễn Thành Đ2 là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

Như vậy, bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc pháp lý của thửa đất YYY tờ bản đồ số XX, tại phường Uyên H16, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương. Lan A đã chiếm đoạt của ông Đô 580.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Lan A và ông Nguyễn Quyết Ch2 (có lai lịch như trên) trước đây có mối quan hệ vay mượn tiền nhiều lần theo hình thức tín chấp. Đến tháng 5/2021, Lan A tiếp tục hỏi vay tiền của ông Ch2. Lúc này, ông Ch2 đồng ý cho Lan A vay tiền nhưng yêu cầu có tài sản thế chấp. Để được vay tiền, Lan A đặt người trên mạng xã hội Facebook làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 628xxx đứng tên Nguyễn Thị Lan A đối với thửa đất Y2 tờ bản đồ X12, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương rồi đưa cho ông Ch2 để vay tiền. Do đó, ngày 17/5/2021, Lan A giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho ông Ch2 giữ để vay 400.000.000 đồng. Sau đó, Lan A và ông Ch2 lập Hợp đồng đặt cọc giữa Lan A với ông Phạm Thanh S5 (sinh năm: 1974, nơi cư trú: phường Phú L3, thành phố Thủ Dầu M3, tỉnh Bình Dương) thể hiện Lan A nhận đặt cọc 400.000.000 đồng của ông S5 (do ông Ch2 mượn tiền của ông S5 rồi cho Lan A vay lại*)* nhưng ông Ch2 là người ký và lăn tay vào bên đặt cọc trong Hợp đồng.

Sau ngày 17/5/2021, khoảng hơn 01 tuần Lan A tiếp tục hỏi vay thêm của ông Ch2 300.000.000 đồng và nói với ông Ch2 sử dụng thửa đất trên để thế chấp đảm bảo nghĩa vụ cả 02 khoản vay 700.000.000 đồng. Do vậy, ông Ch2 đồng ý cho Lan A vay thêm 300.000.000 đồng. Sau đó Lan A trả cho ông Ch2 550.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ ông Nguyễn Quyết Ch2 các tài liệu gồm: 01 giấy nhận cọc ngày 17/5/2021 giữa Nguyễn Quyết Ch2 với Nguyễn Thị Lan A và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 628xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho người sử dụng đất là Nguyễn Thị Lan A ngày 13/4/2018 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09xxx.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 576/KL-KTHS ngày 24/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 628xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho người sử dụng đất là Nguyễn Thị Lan A ngày 13/4/2018 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09xxx là giả được in phun màu điện tử.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên Nguyễn Thị Lan A trên giấy nhận cọc ngày 17/5/2021 giữa Nguyễn Quyết Ch2 với Nguyễn Thị Lan A là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên Nguyễn Quyết Ch2 trên giấy nhận cọc ngày 17/5/2021 giữa Nguyễn Quyết Ch2 với Nguyễn Thị Lan A là do ông Nguyễn Quyết Ch2 ký, viết và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất Y2 tờ bản đồ X12, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định: Thửa đất trên được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Tân U, tỉnh Bình Dương cập nhật từ ông Nguyễn Đình Th10 sang tên bà Nguyễn Thị Y6 vào ngày 09/11/2018. Đến ngày 27/8/2020, bà Y6 cùng chồng là ông Hồ Xuân L11 ủy quyền toàn phần cho Nguyễn Thị Lan A. Sau khi nhận ủy quyền, ngày 03/02/2021 Lan A ký công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đậu Thị Thanh T12 tại Văn phòng công chứng Đào Thị C6, tỉnh Bình Dương. Đến ngày 08/3/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tịnh theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS12xxx.

Như vậy, bằng thủ đoạn làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 628xxx đối với thửa đất Y2 tờ bản đồ X12, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương, Lan A đã lừa dối ông Ch2 chiếm đoạt 150.000.000 đồng

Vụ thứ năm: Thửa đất có diện tích 75m2, thuộc một phần diện tích thửa đất Y8, tờ bản đồ X13, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương không phải do Lan A làm chủ sở hữu. Để chiếm đoạt được tiền của ông Bùi Văn Th4 (có lai lịch như trên), Lan A đã làm giả Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của phần diện tích đất nêu trên giữa ông Nguyễn Văn A5 với Nguyễn Thị Lan A để nhằm mục đích lừa dối ông Th4 nhằm chiếm đoạt tiền mua đất.

Vào tháng 12/2020 do có nhu cầu đầu tư mua đất nên thông qua mối quan hệ quen biết ông Th4 được giới thiệu gặp Lan A để hỏi mua đất. Lúc này, do đang

thiếu nợ cần tiền để trả nợ nên Lan A nảy sinh ý định lừa dối ông Th4 chiếm đoạt tiền. Lan A làm giả Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 75m^2, thuộc một phần diện tích thửa đất Y8, tờ bản đồ X13, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương giữa Lan A và ông Nguyễn Văn A5 (sinh năm: 1964, nơi cư trú: xã Cẩm L12, huyện Kim Th10, tỉnh Hải Dương). Sau khi làm giả được Hợp đồng chuyển nhượng, Lan A đưa cho ông Th4 và nói thửa đất trên là do Lan A mua lại từ ông Nguyễn Văn A5. Do tin tưởng, ông Th4 đã đồng ý mua lại thửa đất trên với giá 395.000.000 đồng. Ngày 09/12/2020, Lan A và ông Th4 lập Hợp đồng đặt cọc và ông Th4 giao cho Lan A 10.000.000 đồng. Cả hai hẹn 20 ngày sau sẽ làm Hợp đồng chuyển nhượng. Thực hiện theo thỏa thuận, thời gian sau đó ông Th4 giao cho Lan A 385.000.000 đồng thanh toán phần tiền mua đất còn lại. Sau khi nhận đủ 395.000.000 đồng, Lan A và ông Th4 làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất trên cho ông Th4. Đồng thời, Lan A giao lại cho ông Th4 Hợp đồng chuyển nhượng phần diện tích đất trên giữa Lan A và ông Nguyễn Văn A5 cho ông Th4 giữ.

Sau đó, do biết được thửa đất trên không phải là của Lan A nên ông Th4 đã yêu cầu Lan A trả lại tiền mua đất và yêu cầu bồi thường thêm 90.000.000 đồng. Lúc này, Lan A cam kết trả lại 395.000.000 đồng cho ông Th4 và bồi thường 90.000.000 đồng. Lan A lập biên bản thỏa thuận xác nhận nội dung trên đưa cho ông Th4 giữ. Sau đó, Lan A trả cho ông Th4 20.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 375.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ ông Bùi Văn Th4 các tài liệu gồm: 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ngày, tháng, năm) giữa Nguyễn Văn A5 với Nguyễn Thị Lan A; 01 giấy nhận cọc ngày 09/12/2020 giữa Nguyễn Thị Lan A với Bùi Văn Th4; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ngày, tháng, năm) giữa Nguyễn Thị Lan A với Bùi Văn Th4.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 576/KL-KTHS (TL-VT) ngày 24/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ngày, tháng, năm) giữa Nguyễn Văn A5 với Nguyễn Thị Lan A; giấy nhận cọc ngày 09/12/2020 giữa Nguyễn Thị Lan A với Bùi Văn Th4 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ngày, tháng, năm) giữa Nguyễn Thị Lan A với Bùi Văn Th4 là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Bùi Văn Th4" trên giấy nhận cọc ngày 09/12/2020 giữa Nguyễn Thị Lan A với Bùi Văn Th4; Hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ngày, tháng, năm) giữa Nguyễn Thị Lan A với Bùi Văn Th4 là do ông Bùi Văn Th4 ký, viết và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất Y8, tờ bản đồ X13, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định: Thửa đất trên Uỷ ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân U, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn A5 ngày 27/7/2011 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01595, ông Ánh đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP V4 – Chi nhánh Bình Dương – Phòng giao dịch Nam Tân U.

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối, Lan A đã chiếm đoạt của ông Bùi Văn Th4 số tiền 375.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Lan A và ông Phạm Văn Ch5 (có lai lịch như trên) có mối quan hệ quen biết với nhau từ khoảng năm 2019 do ông Ch5 là người giao hàng hải sản cho nhà hàng tiệc cưới của Lan A. Đến khoảng tháng 4/2022 do có nhu cầu đầu tư kinh doanh bất động sản nên ông Ch5 liên hệ với Lan A để hỏi mua đất. Lúc này, Lan A không phải là chủ thửa đất số 10xx, tờ bản đồ 20, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương nhưng do cần tiền để trả nợ nên Lan A nói với ông Ch5 thửa đất 10xx của Lan A, nếu muốn mua lại thì Lan A bán cho ông Ch5. Theo thỏa thuận, Lan A bán lại cho ông Ch5 với giá 1.550.000.000 đồng và phải đặt cọc trước 300.000.000 đồng. Vào khoảng tháng 4/2022, ông Ch5 đặt cọc bằng tiền mặt cho Lan A 300.000.000 đồng và tiến hành lập giấy nhận cọc.

Sau khi nhận cọc của ông Ch5, do thửa đất trên không phải của Lan A nên Lan A yêu cầu ông Ch5 chấm dứt Hợp đồng đặt cọc thửa đất 10xx và chuyển số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng trên sang nhận chuyển nhượng thửa đất số 7xx, tờ bản đồ số 1x, tại phường Hội Ngh4, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương do Lan A làm chủ sở hữu, ông Ch5 đồng ý. Sau khi thống nhất, ngày 18/5/2022 ông Ch5 và Lan A hủy bỏ Hợp đồng đặt cọc đối với thửa đất 10xx và lập Hợp đồng đặt cọc thửa đất 7xx, tờ bản đồ số 1x với giá 1.400.000.000 đồng, trong thời hạn 10 ngày sau khi lập Hợp đồng đặt cọc các bên tiến hành công chứng chuyển nhượng.

Đến ngày 20/5/2022, ông Ch5 biết được thửa đất 7xx, tờ bản đồ số 1x không phải của Lan A nên ông Ch5 ngưng việc mua bán thửa đất trên và yêu cầu Lan A trả lại tiền cọc. Lúc này, Lan A viết giấy cam kết trả lại tiền cọc trên cho ông Ch5. Thời gian sau đó, Lan A trả lại được 150.000.000 đồng cho ông Ch5 còn chiếm đoạt 150.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ ông Phạm Văn Ch5 các tài liệu gồm: 01 Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/5/2022 giữa Phạm Văn Ch5, Phan Thị Phương Th15 với Nguyễn Thị Lan A và Phạm Đức L9; 01 giấy nhận

cọc ngày 18/5/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Phạm Văn Ch5 và 01 Biên bản cam kết ngày 20/5/2022 của Nguyễn Thị Lan A đối với Phạm Văn Ch5.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 576/KL-KTHS (TL-VT) ngày 24/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/5/2022 giữa Phạm Văn Ch5, Phan Thị Phương Th15 với Nguyễn Thị Lan A và Phạm Đức L9; giấy nhận cọc ngày 18/5/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Phạm Văn Ch5 và Biên bản cam kết ngày 20/5/2022 của Nguyễn Thị Lan A đối với Phạm Văn Ch5 là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Phạm Văn Ch5" trên Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/5/2022 giữa Phạm Văn Ch5, Phan Thị Phương Th15 với Nguyễn Thị Lan A và Phạm Đức L9; giấy nhận cọc ngày 18/5/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Phạm Văn Ch5 là do ông Phạm Văn Ch5 ký, viết và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất số 10xx, tờ bản đồ 20, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương và thửa đất số 7xx, tờ bản đồ số 1x, tại phường Hội Ngh4, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định:

+ Thửa đất số 10xx, tờ bản đồ 2x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân U, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Th4 (sinh năm 1974) và bà Lê Thị T6 (sinh năm 1975), cùng nơi cư trú: phường Hiệp Th5, quận X5, Thành phố Hồ Chí Minh theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H02642 ngày 15/01/2008. Ngày 15/04/2022, ông Th4 và bà T6 công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Ng2 (sinh năm: 1973, nơi cư trú: phường Tân Vĩnh H15, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương) tại Văn phòng công chứng Đào Thị C6, tỉnh Bình Dương. Đến ngày 24/5/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn Ng2.

+ Thửa đất số 7xx, tờ bản đồ số 1x, tại phường Hội Ngh4, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị H17 (sinh năm 1965, nơi cư trú: phường An Ph6, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS09349 ngày 04/11/2019. Đến ngày 24/5/2022, bà H17 cùng chồng là ông Lê Công Ch8 công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C Văn Thu tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Th15, tỉnh Bình Dương. Ngày

24/6/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th4 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS13096.

Như vậy, bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối Lan A đã chiếm đoạt của ông Phạm Văn Ch5 số tiền 150.000.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Lan A và ông Vũ Văn T4 quen biết nhau từ khoảng năm 2018, khoảng đầu năm 2022 do biết Lan A đang làm kinh doanh bất động sản và có nhu cầu mua đất nên ông T4 đã liên hệ mua đất. Sau khi nghe ông T4 đề nghị như trên, mặc dù thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 2x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương không phải của Lan A nhưng do cần tiền để trả nợ nên Lan A đã đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc pháp lý của thửa đất trên để lừa dối ông T4 nhằm mục đích chiếm đoạt tiền đặt cọc của ông T4.

Lan A đã lừa dối ông T4 nói thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của Lan A và đang có nhu cầu bán lại nên ông T4 yêu cầu Lan A dẫn đi xem đất và đồng ý đặt cọc mua lại thửa đất trên. Theo thỏa thuận Lan A bán lại cho ông T4 với giá 1.280.000.000 đồng. Đầu tháng 4/2022, ông T4 đặt cọc cho Lan A 100.000.000 đồng và được vợ ông T4 là Nguyễn Thị Ph9 trực tiếp chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của Lan A và cả hai không lập Hợp đồng đặt cọc. Đến ngày 13/4/2022, ông T4 tiếp tục đặt cọc cho Lan A 200.000.000 đồng và lập giấy nhận cọc để xác nhận ông T4 đã đặt cọc 300.000.000 đồng cho Lan A để mua lại thửa đất số 14xx và cam kết 40 ngày sau chuyển nhượng cho ông T4.

Đến khoảng tháng 5/2022 do thửa đất trên không thuộc quyền sở hữu nên Lan A đã đưa ra nhiều lý do để kéo dài thời hạn chuyển nhượng với ông T4. Sau đó, do biết được Lan A lừa nên ông T4 yêu cầu trả lại tiền đặt cọc thì Lan A đồng ý và xin trả lại sau. Do đó, ngày 17/5/2022, Lan A viết giấy vay tiền thể hiện nội dung Lan A vay của ông T4 300.000.000 đồng và hẹn ngày 19/5/2022 sẽ hoàn trả lại số tiền trên nhưng sau đó Lan A không trả tiền theo cam kết mà chỉ trả dần cho ông T4 nhiều lần được 92.000.000 đồng. Số tiền còn lại 208.000.000 đồng Lan A chiếm đoạt của ông T4.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ ông Vũ Văn T4 các tài liệu gồm: 01 giấy nhận cọc ngày 13/4/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Vũ Văn T4 và 01 giấy vay tiền ngày 17/5/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Vũ Văn T4.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 576/KL-KTHS (TL-VT) ngày 24/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên giấy nhận cọc ngày 13/4/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Vũ Văn T4 và giấy

vay tiền ngày 17/5/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Vũ Văn T4 là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký và 03 dấu vân tay được ký và lăn tay dưới mục "Bên đặt cọc ký tên" trên giấy nhận cọc ngày 13/4/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Vũ Văn T4 là do ông Vũ Văn T4 ký và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 2x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định: Thửa đất trên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn M6 (sinh năm 1978, nơi cư trú: phường Hội Ngh4, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương) vào ngày 09/4/2021 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS12xxx.

Như vậy, bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối Anh đã chiếm đoạt của ông Vũ Văn T4 số tiền 208.000.000 đồng.

Vụ thứ tám: Lan A không phải là chủ thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 2x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương. Vào tháng 4/2022, do có nhu cầu mua đất để đầu tư nên thông qua ông Vũ Văn T4, ông Đỗ Ngọc T6 quen biết với Lan A nên hỏi mua đất của Lan A. Lan A nói với ông T6 thửa đất số 14xx tờ bản đồ 2x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương của Lan A nếu mua sẽ bán lại cho ông T6. Đồng thời, Lan A dẫn ông T6 đến xem thực trạng thửa đất. Sau khi xem xong, do tin tưởng thửa đất trên là của Lan A nên ông T6 đồng ý đặt cọc mua với giá 1.350.000.000 đồng, nên vào khoảng đầu tháng 4/2022, ông T6 đặt cọc cho Lan A 315.000.000 đồng và viết giấy nhận cọc. Sau khi nhận cọc, Lan A dẫn ông T6 đo đạc lại thửa đất, tuy nhiên do đất bị chênh lệch tọa độ nên ông T6 không đồng ý nhận chuyển nhượng.

Do thửa đất 14xx thực tế không phải của Lan A, tuy nhiên để tiếp tục che dấu hành vi của mình, Lan A đề nghị ông T6 hủy bỏ thỏa thuận đặt cọc trước đó và chuyển 315.000.000 đồng đã đặt cọc mua thửa đất 14xx sang đặt cọc nhận chuyển nhượng thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 2x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương cũng đang do Lan A làm chủ sở hữu. Sau khi xem vị trí đất, do tin tưởng thửa đất 14xx là của Lan A nên ông T6 đồng ý hủy bỏ thỏa thuận đặt cọc mua thửa đất 14xx và chuyển số tiền đã đặt cọc sang nhận chuyển nhượng thửa đất 14xx với giá 1.350.000.000 đồng. Sau khi thống nhất, cả hai xé bỏ thỏa thuận đặt cọc thửa dất 14xx và lập hợp đồng đặt cọc thửa đất 14xx vào ngày 13/5/2022. Theo cam kết, đến ngày 19/5/2022 Lan A công chứng chuyển nhượng thửa đất trên cho ông T6. Tuy nhiên, thửa đất 14xx không phải của Lan A nên sau đó Lan A liên tục đưa ra nhiều lý do để kéo dài thời hạn chuyển nhượng.

Đến khoảng tháng 6/2022, ông T6 trực tiếp gặp Lan A yêu cầu giải quyết. Lúc này, Lan A thừa nhận thửa đất trên không Th4ộc quyền sở hữu của Lan A và cam kết trả lại tiền cho ông T6. Sau đó, Lan A nhiều lần chuyển trả lại cho ông T6 130.000.000 đồng vào tài khoản số 028100029xxxx thuộc Ngân hàng Vietcombank của ông T6. Số tiền còn lại 185.000.000 đồng Lan A chiếm đoạt của ông T6.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của ông Đỗ Ngọc T6 giấy nhận cọc ngày 13/5/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Đỗ Ngọc T6.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 576/KL-KTHS (TL-VT) ngày 24/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên giấy nhận cọc ngày 13/5/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Đỗ Ngọc T6 là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký và 03 dấu vân tay được ký và lăn tay dưới mục "Đỗ Ngọc T6" trên giấy nhận cọc ngày 13/5/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Đỗ Ngọc T6 là do ông Đỗ Ngọc T6 ký và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 2x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương và thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 2x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định:

+ Thửa đất 14xx được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bá Ph10 (sinh năm: 1987, nơi cư trú: Xã Hưng Tr10, huyện Hưng Ng5, tỉnh Nghệ An) vào ngày 11/5/2021 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS12xxx.

+ Thửa đất 1463 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Kim Th12 (sinh năm 1987, nơi cư trú: phường Phước T17, thành phố Nha Tr5, tỉnh Khánh Hòa) vào ngày 23/02/2021 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS12xxx. Ngày 09/4/2021, ông Th12 cùng vợ là bà Lê Thị Hồng O2 ký công chứng Hợp đồng ủy quyền cho Lan A tại Văn phòng công chứng Đào Thị C6, tỉnh Bình Dương. Đến ngày 09/4/2021, Lan A ký công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Vũ Kiều Thúy A5 (sinh năm 1994, nơi cư trú: phường Tân Ph, thành phố Biên H3, tỉnh Đồng Nai). Ngày 24/5/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A5 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS12xxx.

Như vậy, bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối Anh đã chiếm đoạt của ông Đỗ Ngọc T6 số tiền 185.000.000 đồng.

Vụ thứ chín: Thửa đất số 11xx, tờ bản đồ số 4x, tại phường Uyên H16, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương trước đây Lan A mua lại của vợ chồng ông Nguyễn Chí Ng7 (sinh năm 1975, nơi cư trú: xã Tân T16, huyện Đầm D12, tỉnh Cà Mau) vào ngày 07/5/2018 theo hình thức ký Hợp đồng ủy quyền. Do vậy, Lan A đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 848xxx đối với thửa đất ký hiệu số 11xx, tờ bản đồ số 4x, tại phường Uyên H16, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương đứng tên Nguyễn Chí Ng7. Sau khi làm giả được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đến ngày 16/11/2021 Lan A đem đến gặp bà Lê Thị Ch4 (có lai lịch như trên) hỏi vay 300.000.000 đồng và thế chấp thửa đất số 11xx, tờ bản đồ số 4x, tại phường Uyên H16, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương cho bà Ch12 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Để bà Ch12 tin tưởng, Lan A đưa cho bà Ch12 xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên đứng tên ông Ng7 và Hợp đồng ủy quyền giữa vợ chồng ông Ng7 với Lan A. Sau khi xem giấy tờ thấy thửa đất trên đã được ông Ng7 ủy quyền cho Lan A nên bà Ch12 tin tưởng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật nên đồng ý cho Lan A vay 300.000.000 đồng, bà Ch12 yêu cầu Lan A viết giấy vay tiền và giao cho bà Ch12 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và bản chính Hợp đồng ủy quyền giữa vợ chồng ông Ng7 với Lan A.

Thời gian sau đó, do Lan A không trả tiền, bà Ch12 nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên bà Ch12 đã làm đơn tố cáo Lan A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của bà Lê Thị Ch4 các tài liệu gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 848xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Chí Ng7 ngày 29/3/2017 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04xxx và 01 giấy vay tiền ngày 16/11/2021 giữa Nguyễn Thị Lan A với bà Lê Thị Ch4.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 576/KL-KTHS (TL-VT) ngày 24/01/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 848xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Chí Ng7 ngày 29/3/2017 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04xxx là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên giấy vay tiền ngày 16/11/2021 giữa Lan A với bà Ch12 là do Lan A ký, viết và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất ký hiệu số 11xx, tờ bản đồ số 4x, tại phường Uyên H16, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định: Thửa đất trên được Sở Tài nguyên và Môi trưởng tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Chí Ng7 (sinh năm 1975, nơi cư trú: xã Tân T16, huyện Đầm D12, tỉnh Cà Mau) vào ngày 29/3/2017 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS04xxx. Ngày 07/5/2018, ông Nguyễn Chí Ng7 cùng vợ là Trần Kim Ng8 ký Hợp đồng ủy quyền toàn phần cho Nguyễn Thị Lan A tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Ph14, tỉnh Bình Dương. Ngày 28/12/2021, Anh ký Hợp đồng ủy quyền lại cho ông Tống Xuân S7 tại Văn phòng công chứng Tân U, tỉnh Bình Dương. Đến ngày 19/01/2022, ông S5 ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Ngọc H18. Ngày 15/02/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S5 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CS11xxx.

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối Lan A đã chiếm đoạt của bà Lê Thị Ch4 số tiền 300.000.000 đồng.

Vụ thứ mười: Lan A và bà Võ Thị X2 (có lai lịch như trên) quen biết nhau từ thời điểm tháng 5/2022 thông qua việc kinh doanh mua bán bất động sản. Do có nhu cầu đầu tư mua đất nên thông qua môi giới bà X2 gặp Lan A để hỏi mua đất. Lúc này, do thửa đất 3xx, tờ bản đồ số Y4, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương không phải của Lan A nhưng để chiếm đoạt được tiền của bà X2 thì Lan A đã đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của Lan A và nói nếu bà X2 muốn mua thì Lan A bán lại. Do tin tưởng nên bà X2 đồng ý mua thửa đất trên.

Sau khi thỏa thuận, bà X2 nhiều lần giao tiền thanh toán tiền mua đất cho Lan A. Do thửa đất trên không phải của Lan A nên không thể chuyển nhượng cho bà X2 theo cam kết. Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của bà X2, Lan A làm giả 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không công chứng) đối với thửa đất có diện tích 85m2, thuộc một phần thửa đất 13xx, tờ bản đồ 2x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương giữa ông Thái Văn Th20 (sinh năm 1990, nơi cư trú: xã Liên Th18, huyện Yên Th19, tỉnh Nghệ An) với Lan A và nói với bà X2 thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của Lan A mua lại từ ông Thái Văn Th20. Đồng thời, Lan A nói với bà X2 chuyển số tiền mà bà X2 đặt cọc mua thửa đất 3xx sang nhận chuyển nhượng diện tích 85m^2 đất thuộc thửa đất số 13xx. Do tin tưởng nên bà X2 đã đồng ý chấp thuận chuyển sang nhận thửa đất 85m2 nêu trên với giá 550.000.000 đồng.

Thực hiện thỏa thuận trên, bà X2 nhiều lần giao tiền cho Lan A với tổng số tiền từ trước đó tới thời điểm lập thỏa thuận là 509.000.000 đồng.

Khi bà X2 biết thông tin thửa đất trên không phải của Lan A nên yêu cầu Lan A trả lại tiền. Lan A trả lại 7.000.000 đồng và còn chiếm đoạt của bà X2 502.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của bà Võ Thị X2 các tài liệu gồm: 01 bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 695xxx tên người sử dụng đất là Nguyễn Thị Hồng Nh4; 01 bản phô tô Hợp đồng ủy quyền số: 460xx do Văn phòng công chứng số A5, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng; 01 Vi bằng số 599/2022/VB-TPL ngày 25/8/2022 của Văn phòng Thừa Phát Lại Thuận A2, tỉnh Bình Dương; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ngày, tháng, năm lập) giữa Nguyễn Thị Thúy D3 với Thái Văn Th20; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ngày, tháng, năm lập) giữa Thái Văn Th20 với Nguyễn Thị Lan A; 01 Sơ đồ vị trí đất đối với thửa đất 13xx, tờ bản đồ 2x có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu in vân tay tên Nguyễn Thị Thúy D3 (bên chuyển nhượng) và Nguyễn Thị Lan A (bên nhận chuyển nhượng); 01 Hợp đồng mua bán đất (V/v bán đất và nhận tiền của bà Võ Thị X2) ngày 25/8/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Võ Thị X2; 01 Hợp đồng xây dựng giữa Nguyễn Thị Lan A và Võ Thị X2.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 576/KL-KTHS (TL-VT) ngày 24/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên tên "Nguyễn Thị Thúy D3" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ngày, tháng, năm lập) giữa Nguyễn Thị Thúy D3 với Thái Văn Th20 và Sơ đồ vị trí đất đối với thửa đất 13xx, tờ bản đồ 2x có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu in vân tay tên Nguyễn Thị Thúy D3 (bên chuyển nhượng) do bà Nguyễn Thị Thúy D3 ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ngày, tháng, năm lập) giữa Thái Văn Th20 với Nguyễn Thị Lan A; Sơ đồ vị trí đất đối với thửa đất 13xx, tờ bản đồ 2x có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu in vân tay tên Nguyễn Thị Thúy D3 (bên chuyển nhượng) và Nguyễn Thị Lan A (bên nhận chuyển nhượng); Hợp đồng mua bán đất (V/v bán đất và nhận tiền của bà Võ Thị X2) ngày 25/8/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Võ Thị X2; Hợp đồng xây dựng giữa Nguyễn Thị Lan A và Võ Thị X2 là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Võ Thị X2" trên Hợp đồng mua bán đất (V/v bán đất và nhận tiền của bà Võ Thị X2) ngày 25/8/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Võ Thị X2; Hợp đồng xây dựng giữa Nguyễn Thị Lan A và Võ Thị X2 là do bà Võ Thị X2 ký, viết và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất 3xx, tờ bản đồ số Y4, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương và thửa đất 13xx, tờ bản đồ 2x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định:

+ Thửa đất 3xx không Th4ộc quyền sở hữu của Anh. Từ thời điểm ngày 01/01/2017 đến ngày 29/5/2023 không có thông tin cập nhật biến động quyền sử dụng đất.

+ Thửa đất 13xx được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân U, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 695xxx, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02xxx ngày 17/9/2012. Đến ngày 07/12/2012, bà Nh4 ủy quyền toàn phần cho bà Nguyễn Thị Thúy D3.

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối Lan A đã chiếm đoạt của bà Võ Thị X2 số tiền 502.000.000 đồng.

Vụ thứ mười một: Vào khoảng năm 2019, ông Lê Xuân S4 (sinh năm: 1977, nơi cư trú: phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương) hỏi mua đất của Lan A. Lúc này, Lan A làm giả Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi thông tin phần diện tích đất 100m^2, thuộc thửa đất số 4xx, tờ bản đồ 1x do ông Dương Văn M7 (sinh năm: 1966, nơi cư trú: phường Phú H22, thành phố Thủ Dầu M3, tỉnh Bình Dương) ký, lăn tay vào bên chuyển nhượng và để trống thông tin người nhận chuyển nhượng. Sau đó, Lan A nói với ông S4 đang là chủ sở hữu thửa đất có diện tích 100m^2, thuộc thửa đất số 4xx nêu trên do mua lại của ông M7 theo hình thức ông M7 tự tách thửa và bán lại cho khách hàng. Lan A đưa cho ông S4 xem Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được Lan A làm giả nêu trên. Đồng thời Lan A nói nếu ông S4 mua thì Lan A sẽ bán lại và giao Hợp đồng chuyển nhượng của chủ đất Dương Văn M7 cho ông S4 giữ, nếu ông S4 không bán lại cho người khác thì có thể ghi thông tin ông S4 vào, còn nếu bán lại cho người khác thì ghi tên người mua vào Hợp đồng. ông S4 mua thửa đất trên với giá 320.000.000 đồng và đặt cọc trước 50.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, sau khi ông S4 đặt cọc 50.000.000 đồng cho Lan A thì ông S4 bán lại thửa đất trên cho bà Phạm Thị Thúy N2 (có lai lịch như trên) với giá 350.000.000 đồng. Do vậy, sau khi nhận tiền từ bà N2, ông S4 cắt tiền lời chênh lệch được hưởng từ việc bán cho bà N2 là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ đi 50.000.000 đồng đã đặt cọc thì ông S4 giao lại cho Lan A 270.000.000 đồng và nhận giấy tờ từ Lan A giao lại cho bà N2 (giữa ông S4 và bà N2 không lập Hợp đồng chuyển nhượng).

Đến năm 2022, do phát hiện Lan A lừa bán thửa đất trên nên bà N2 yêu cầu ông S4 đưa đến gặp Lan A. Lúc này, Lan A thừa nhận Hợp đồng do ông Dương Văn M7 ký là giả và cam kết sẽ trả lại tiền gốc 350.000.000 đồng và bồi thường thêm 100.000.000 đồng cho bà N2. Do vậy, bà N2 và ông S4 yêu cầu Lan A hợp thức hóa Hợp đồng mua bán thửa đất trên giữa Lan A với ông Lê Xuân S4 để ông S4 hợp thức hóa Hợp đồng mua bán với bà N2 nên Lan A đồng ý lập Hợp đồng chuyển nhượng với ông S4 với giá 450.000.000 đồng (theo yêu cầu bồi thường thêm tiền của bà N2).

Sau khi các bên lập hợp thức hóa Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên với nhau và thỏa thuận Lan A trả lại tiền cho bà N2, thời gian sau đó Lan A mới trả cho bà N2 80.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 240.000.000 đồng. ông S4 lấy tiền môi giới 30.000.000 đồng buộc ông S4 phải trả lại cho bà N2.

Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ bà Phạm Thị Thúy N2 các tài liệu gồm: 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 697xxx tên người sử dụng đất là Dương Văn M7; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi thông tin người chuyển nhượng đất Dương Văn M7, thông tin thửa đất 100m^2, thửa đất 4xx, tờ bản đồ 1x, có chữ ký, chữ viết và dấu in vân tay của Dương Văn M7 tại mục đại diện bên chuyển nhượng; 01 Sơ đồ vị trí đất thửa đất 4xx, tờ bản đồ 1x, có chữ ký, chữ viết và dấu in vân tay Dương Văn M7 tại mục Bên chuyển nhượng; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/5/2018 giữa Nguyễn Thị Lan A với Lê Xuân S4; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/6/2018 giữa Lê Xuân S4 với Phạm Thị Thúy N2; 01 giấy nhận cọc ngày 05/6/2018 giữa Phạm Thị Thúy N2 với Lê Xuân S4.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 802/KL-KTHS (TL+VT) ngày 21/02/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu in vân tay mng tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/5/2018 giữa Nguyễn Thị Lan A với Lê Xuân S4 do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Lê Xuân S4" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/5/2018 giữa Nguyễn Thị Lan A với Lê Xuân S4; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/6/2018 giữa Lê Xuân S4 với Phạm Thị Thúy N2; giấy nhận cọc đề ngày 05/6/2018 giữa Phạm Thị Thúy N2 với Lê Xuân S4 là do ông Lê Xuân S4 ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Phạm Thị Thúy N2" trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/6/2018 giữa Lê Xuân S4

với Phạm Thị Thúy N2; giấy nhận cọc ngày 05/6/2018 giữa Phạm Thị Thúy N2 với Lê Xuân S4 là do bà Phạm Thị Thúy N2 ký, viết và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất 4xx, tờ bản đồ số 1x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định: Thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Dương Văn M7 vào ngày 26/10/2011 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01xxx. Từ thời điểm ngày 01/01/2017 đến ngày 26/01/2024 không có thông tin cập nhật biến động quyền sử dụng đất.

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối Lan A chiếm đoạt 240.000.000 đồng của bà Phạm Thị Thúy N2. Còn 30.000.000 đồng ông S4 lấy tiền chênh lệch nên buộc ông S4 trả lại cho bà N2.

Vụ thứ mười hai: Thông qua mối quan hệ từ hoạt động kinh doanh bất động sản Lan A bắt đầu quen biết với ông Nguyễn Văn D5 (có lai lịch như trên) từ năm 2017. Vào khoảng năm 2019 Lan A nhiều lần hỏi vay tiền của ông D5 tổng cộng 1.500.000.000 đồng với lãi suất từ 3% đến 5%/tháng. Việc vay mượn trên giữa Lan A với ông D5 được thực hiện theo hình thức tín chấp. Đến năm 2021, do làm ăn thua lỗ dẫn đến chậm đóng tiền lãi nên ông D5 yêu cầu Lan A phải tất toán toàn bộ số tiền trên và trả lãi suất.

Do chưa có tiền trả nên Lan A xin thêm thời gian, ông D5 đồng ý nhưng phải có tài sản thế chấp. Lúc này, Lan A thuê người (không rõ lai lịch) làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 443xxxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Thị Lan A đối với thửa đất ký hiệu số 14xx, tờ bản đồ số 1x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương và giao cho ông D5 giữ nhằm mục đích kéo dài thời hạn cho Lan A trả lại số tiền trên.

Sau khi Lan A giao cho ông D5 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên thì giữa Lan A và ông D5 tiến hành đối chiếu lại số tiền đã vay và xác định số tiền gốc còn nợ là 1.500.000.000 đồng, ông D5 tính thêm tiền lãi là 1.500.000.000 đồng nên tính tổng cộng 3.000.000.000 đồng. Sau khi thống nhất, Lan A giao cho ông D5 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên và ông D5 giao cho Lan A Hợp đồng đặt cọc không ghi nội dung, yêu cầu Lan A ký vào bên nhận đặt cọc rồi sau đó tự ghi thông tin ông D5 đặt cọc 3.000.000.000 đồng cho Lan A để mua thửa đất 14xx, tờ bản đồ 1x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương.

Sau khi thỏa thuận nội dung trên với ông D5, Lan A không thực hiện theo thỏa thuận và cũng không trả lại tiền cho ông D5 theo cam kết mà chiếm đoạt số tiền trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ ông Nguyễn Văn D5 các tài liệu gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 443xxxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Thị Lan A ngày 18/12/2019 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06xxx và 01 Hợp đồng đặt cọc Vv: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/4/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Nguyễn Văn D5.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 802/KL-KTHS (TL+VT) ngày 21/02/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 443xxxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Thị Lan A ngày 18/12/2019 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06xxx là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng đặt cọc Vv: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/4/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Nguyễn Văn D5 là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Văn D5" trên: 01 Hợp đồng đặt cọc Vv: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/4/2022 giữa Nguyễn Thị Lan A với Nguyễn Văn D5 là do ông Nguyễn Văn D5 ký, viết và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 1x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định: Thửa đất trên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trịnh Văn Long vào ngày 21/02/2010 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 11xxx. Đến ngày 07/12/2020, ông Long chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Ch6 tại Văn phòng công chứng Đào Thị C6, tỉnh Bình Dương và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Tân U, tỉnh Bình Dương cập nhật sang tên ông Ch6 ngày 28/12/2020. Ngày 28/12/2021, thửa đất trên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Ch6 theo sổ vào sổ: CS13xxx.

Như vậy, thỏa thuận giữa ông D5 và Lan A là thỏa thuận vay mượn tiền dựa trên sự tín chấp. Tuy nhiên, để chiếm đoạt số tiền đã nhận của ông D5, Lan A làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 443xxxx đứng tên Nguyễn Thị Lan

A đối với 14xx, tờ bản đồ số 1x, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương để chuyển nhượng cho ông D5 nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 1.500.000.000 đồng.

Vụ thứ mười ba: Lan A quen biết ông Nguyễn Văn Q3 từ thời điểm năm 2014 do ông Q3 là bạn của chồng Lan A là ông Phạm Đức L9. Đến khoảng trước dịch Covid 19 năm 2021, do cần tiền kinh doanh và trả lãi cho các khoản vay khác nên Lan A đã mượn của ông Q3 nhiều lần tính đến thời điểm ngày 16/11/2021 là 2.200.000.000 đồng và ông Q3 lấy lãi suất 5%/tháng đối với khoản vay trên.

Do trước đó vay tín chấp nên đến tháng 11/2021 ông Q3 nói với Lan A là số tiền mà Lan A vay là tiền của nhiều người góp đưa cho ông Q3 nên những người trên yêu cầu phải thế chấp tài sản cho khoản vay trên và yêu cầu Lan A phải có tài sản thế chấp cho ông Q3 để ông Q3 nói lại với những người góp vốn nhằm mục đích cho Lan A kéo dài thời hạn trả nợ.

Sau khi được ông Q3 yêu cầu, Lan A đã nhờ người (không rõ lai lịch) làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 286xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Thị Lan A đối với thửa đất số 8xx, tờ bản đồ số X, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương và giao cho ông Q3 giữ, nói thửa đất trên là của Lan A. Sau khi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho ông Q3 giữ thì giữa Lan A và ông Q3 tiến hành lập Hợp đồng đặt cọc vào ngày 16/11/2021 thể hiện ông Q3 đặt cọc 2.200.000.000 đồng để chuyển nhượng thửa đất 8xx, tờ bản đồ số X nêu trên. Nhưng Lan A không thực hiện theo thỏa thuận, không trả lại tiền cho ông Q3 theo cam kết mà chiếm đoạt số tiền trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của ông Nguyễn Văn Q3 các tài liệu gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 286xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Thị Lan A ngày 05/9/2018 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09xxx và 01 Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/11/2021 giữa Nguyễn Thị Lan A với Nguyễn Văn Q3.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 576/KL-KTHS (TL-VT) ngày 24/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 286xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Thị Lan A ngày 05/9/2018 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09xxx là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Thị Lan A" trên Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/11/2021 giữa Nguyễn Thị Lan A với Nguyễn Văn Q3 là do Nguyễn Thị Lan A ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên "Nguyễn Văn Q3" trên Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/11/2021 giữa Nguyễn Thị Lan A với Nguyễn Văn Q3 là do ông Nguyễn Văn Q3 ký, viết và in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất số 8xx, tờ bản đồ số X, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương xác định: Thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Đoàn Minh T22 vào ngày 13/10/2020 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 119xx.

Như vậy, thỏa thuận giữa ông Q3 và Lan A là thỏa thuận vay mượn tiền dựa trên sự tín chấp. Tuy nhiên để chiếm đoạt số tiền đã nhận của ông Q3, Lan A làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 286xxx đứng tên Nguyễn Thị Lan A đối với thửa đất số 8xx, tờ bản đồ số X, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương để chuyển nhượng cho ông Q3 nhằm chiếm đoạt số tiền 2.200.000.000 đồng.

Vụ thứ mười bốn: Ông Phạm Quang Tr3 và Lan A có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước, do đó vào ngày 09/02/2021 Lan A đến cơ sở cầm đồ V4 Sinh tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương do ông Tr3 quản lý để hỏi vay 230.000.000 đồng. Để ông Tr3 đồng ý cho vay Lan A đưa cho ông Tr3 xem các tài liệu gồm: 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 628xxx đối với thửa đất Y2 tờ bản đồ X12, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 09273, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương ngày 13/4/2018 cấp cho ông Nguyễn Đình Th10; 01 (một) bản chính "Hợp đồng ủy quyền" số 69xx do Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh M8, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 29/5/2018 thể hiện ông Nguyễn Đình Th10 và bà Nguyễn Thị Nh10 ủy quyền toàn phần thửa đất Y2 tờ bản đồ X12, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương cho ông Nguyễn Đình S8 và (01) bản sao y "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" số 69xx do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Ph14, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 06/6/2018 thể hiện ông Nguyễn Đình S8 chuyển nhượng thửa đất Y2 tờ bản đồ X12, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương và nói với ông Tr3 thửa đất trên do Lan A làm chủ sở hữu đề nghị giao cho ông Tr3 các tài liệu trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay 230.000.000 đồng. Do tin tưởng các tài liệu

Lan A đưa là tài liệu thật và là tài sản do Lan A làm chủ sở hữu nên ông Tr3 đồng ý nhận giữ và cho Lan A vay 230.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng.

Sau đó, do cần tiền nên Lan A tiếp tục vay thêm của ông Tr3 02 lần 60.000.000 đồng (một lần vay 20.000.000 đồng, một lần vay 40.000.000 đồng) cũng đảm bảo nghĩa vụ trả nợ bằng tài sản là thửa đất Y2 tờ bản đồ X12, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương. Tổng số tiền Lan A đã vay ông Tr3 là 290.000.000 đồng.

Hàng tháng Lan A đều trả tiền lãi cho ông Tr3 (trả được 09 tháng với 45.000.000 đồng). Đồng thời, sau khi ông Tr3 yêu cầu trả tiền gốc thì Lan A chỉ trả được 40.000.000 đồng, còn chiếm đoạt của ông Tr3 205.000.000 đồng.

Qúa trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương thu giữ của ông Phạm Quang Tr3 các tài liệu gồm: 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 628xxx đối với thửa đất Y2 tờ bản đồ X12, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương; 01 bản chính Hợp đồng ủy quyền số 69xx do Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh M8, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 29/5/2018; 01 bản sao y Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 69xx do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Ph14, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 06/6/2018 và 01 Hợp đồng cầm đồ ngày 09/02/2021 của Dịch vụ cầm đồ V4 giữa bên A: Vũ Văn S9 và Bên B: Nguyễn Thị Lan A.

*Căn cứ Kết luận giám định số: 4863/KL-KTHS (TL) ngày 25/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 628xxx đối với thửa đất Y2 tờ bản đồ X12, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương là giả, bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Xác minh nguồn gốc pháp lý của thửa đất Y2 tờ bản đồ X12, tại phường Tân H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Dương xác định: Thửa đất 296 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Tân U, tỉnh Bình Dương cập nhật từ ông Nguyễn Đình Th10 sang tên bà Nguyễn Thị Y6 vào ngày 09/11/2018. Đến ngày 27/8/2020, bà Y6 cùng chồng là ông Hồ Xuân L11 ủy quyền toàn phần cho Nguyễn Thị Lan A. Sau khi nhận ủy quyền, ngày 03/02/2021 Lan A ký công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đậu Thị Thanh T12 tại Văn phòng công chứng Đào Thị C6, tỉnh Bình Dương. Đến ngày 08/3/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tịnh theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS12xxx.

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối Anh đã chiếm đoạt của ông Phạm Quang Tr3 205.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

+ 02 (hai) thiết bị điện tử CPU máy tính màu đen (thu giữ khi khám xét).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xám xanh, có gắn sim số: 098928xxxx và 037303xxxx (thu giữ khi bắt bị can tạm giam).

+ 01 (một) USB màu đen (thu giữ khi khám xét).

+ 01 (một) đĩa CD (thu giữ khi khám xét).

+ 01 (một) màn hình máy tính hiệu LG, màu trắng (thu giữ khi khám xét).

+ 01 (một) bàn phím máy tính (thu giữ khi khám xét).

+ 01 (một) con chuột máy tính (thu giữ khi khám xét).

Những tài liệu giả lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Ông Trần C yêu cầu Lan A trả lại 470.000.000

+ Bà Trần Thị L3 yêu cầu Lan A trả lại 520.000.000 đồng

+ Ông Nguyễn Thành Đ2 yêu cầu Lan A trả lại 580.000.000 đồng

+ Ông Nguyễn Quyết Ch2 yêu cầu Lan A trả lại 150.000.000 đồng

+ Ông Bùi Văn Th4 yêu cầu Lan A trả lại 375.000.000 đồng

+ Ông Phạm Văn Ch5 yêu cầu Lan A trả lại 150.000.000 đồng

+ Ông Vũ Văn T4 yêu cầu Lan A trả lại 208.000.000 đồng

+ Ông Đỗ Ngọc T6 yêu cầu Lan A trả lại 185.000.000 đồng

+ Bà Lê Thị Ch4 yêu cầu Lan A trả lại 300.000.000 đồng

+ Bà Võ Thị X2 yêu cầu Lan A trả lại 502.000.000 đồng

+ Bà Phạm Thị Thùy Na yêu cầu Lan A trả lại 240.000.000 đồng.

+ Ông Phạm Quang Tr3 yêu cầu Lan A trả lại 205.000.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn Q3 yêu cầu Lan A trả lại 2.200.000.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn D5 yêu cầu Lan A trả lại 1.500.000.000 đồng.

Buộc bà Trần Thị L3 trả lại cho ông Trần C 70.000.000đồng.

Buộc ông Lê Xuân S4 trả lại cho bà N2 30.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKS-P2 ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lan A về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Lan A.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lan A mức hình phạt từ 14 năm đến 16 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và mức hình phạt từ 04 năm đến 05 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là từ 18 năm đến 21 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Thị Lan A có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại; đối với bị hại Nguyễn Văn Q3 tại phiên tòa xác nhận đã trả 400.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu số tiền 1.800.000.000 đồng có thay đổi so với Cáo trạng; bị buộc bà Trần Thị L3 trả lại cho ông Trần C số tiền 70.000.000 đồng; buộc ông S4 trả lại cho bà N2 số tiền 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm giả là chứng cứ dùng để buộc tội bị cáo nên tiếp tục lưu giữ vào hồ sơ vụ án;

- Đối với 02 (hai) thiết bị điện tử CPU máy tính màu đen; 01 (một) USB màu đen; 01 (một) đĩa CD; 01 (một) màn hình máy tính hiệu LG, màu trắng; 01 (một) bàn phím máy tính; 01 (một) con chuột máy tính (thu giữ khi khám xét), đã giao trả nên không đặt ra xem xét;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xám xanh, có gắn sim số: 098928xxxx và 037303xxxx không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày tranh luận: thống nhất về tội danh, điều khoản mà cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại; gia đình của bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh bị vỡ nợ do kinh doanh thua lỗ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với phần trình bày của người bào chữa, không tham tranh luận, bổ sung gì thêm.

Các bị hại không tham gia tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thanh L7 trình bày: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 12xx, tờ bản đồ số 2x tại phường Tân H, thành phố Hồ Chí Minh giữa ông Liêm và bà D5 đã đảm

bảo các điều kiện có hiệu lực của một giao dịch dân sự về mặt chủ thể giao kết hợp đồng, điều kiện thửa đất tại thời điểm giao dịch, các bên tham gia giao dịch mua bán đã xác lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng, Hợp đồng đã được công chứng, chứng thực và phát sinh hiệu lực là phù hợp theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015, thỏa mãn về mặt hình thức khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định tại Khoản 3, Điều 167 Luật Đất đai 2013 và Điều 459 Bộ luật Dân sự 2015. Ông L7 đã giao tiền và bà D5 đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Hoàng Thị Kim D10, ông L7 đã thực hiện thủ tục đăng ký biến động và đã được cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/10/2022 (Giấy chứng nhận số GD760xxx, số vào sổ cấp GCN CS15xxx đứng tên Nguyễn Thanh L7). Thủ tục đăng bộ sang tên thửa đất 12xx, tờ bản đồ 2x được thực hiện đúng quy định của pháp luật; ông Nguyễn Thanh L7 đã nhận bàn giao quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên thực tế. Hiện tại, tài sản này đang được ông Nguyễn Thanh L7 quản lý và sử dụng cho thuê.

Như vậy, có căn cứ xác định quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L7 và bà D5 (thửa 1296, tờ bản đồ 20) đã hoàn tất, việc giao dịch chuyển nhượng; cấp Giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Thanh L7 là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật nên quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh L7 phải được bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông L7 theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông L7 thống nhất với phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không có ý kiến gì khác.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về đoàn tụ với gia đình và làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Lan A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, các kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2023, Nguyễn Thị Lan A kinh doanh bị thua lỗ nên vay mượn tiền để duy trì hoạt động và trả nợ cho các khoản vay của nhiều cá nhân khác nhau. Sau đó, Lan A đã nhờ người khác làm giả 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 848xxx; số CL 628xxx và số CN 286xxx, số CD 443xxxx; số CN 286xxx; làm giả Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc pháp lý của nhiều thửa đất khác nhau để lừa dối nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại với tổng số tiền Lan A chiếm đoạt của các bị hại là 7.585.000.000 (bảy tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lan A về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội "Sử dụng giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị trên 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi cung cấp thông tin để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích thực hiện hành vi phạm tội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền 7.585.000.000 (bảy tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng; bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức án cho phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Đối với các đơn tố giác của các ông, bao gồm: Ông Nguyễn Trọng T15; ông Phạm Văn H24; ông Nguyễn Quang V7; ông Nguyễn Văn Th14; ông Lưu Đức Th15; ông Lê Văn Ph9; bà Nguyễn Thị Trúc L14; bà Cù Thị Mỹ L15; bà Đỗ Thị V8; bà Nguyễn Thị M17; ông Lê Văn Th16 cùng tố giác Nguyễn Thị Lan A về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí M xác định là giao dịch dân sự; tại phiên toà qua trình bày giữa các bên Hội đồng xét xử xác định tư cách các ông bà có tên nêu trên không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[7] Đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thanh L7 và bà Hoàng Thị Kim D10 đối với thửa 12xx, tờ bản đồ số 2x tại phường Tân H, thành phố Hồ Chí Minh; Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L7 và bà D5 đảm bảo các điều kiện của một giao dịch dân sự, các bên tham gia giao dịch, xác lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng, chứng thực phù hợp theo quy định của Luật Đất đai và Bộ luật Dân sự; ông L7 đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào ngày 25/10/2022 đứng tên Nguyễn Thanh L7) nên giao dịch này là giao dịch dân sự ngay tình, các bên đã thực hiện hoàn tất quyền và nghĩa vụ, được pháp luật bảo vệ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên toà bị cáo trình bày đã thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q3 nhiều lần tiền với tổng số tiền là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng nên yêu cầu ông Q3 xem xét khấu trừ; ông Q3 xác nhận là đúng và đồng ý khấu trừ số tiền trên vào số tiền 2.200.000.000 đồng mà Cáo trạng đã nêu. Do đó, buộc bị cáo Nguyễn Thị Lan A có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại, như sau:

+ Ông Trần C yêu cầu Lan A trả lại 470.000.000 đồng;

+ Bà Trần Thị L3 yêu cầu Lan A trả lại 520.000.000 đồng;

+ Ông Nguyễn Thành Đ2 yêu cầu Lan A trả lại 580.000.000 đồng;

+ Ông Nguyễn Quyết Ch2 yêu cầu Lan A trả lại 150.000.000 đồng;

+ Ông Bùi Văn Th4 yêu cầu Lan A trả lại 375.000.000 đồng;

+ Ông Phạm Văn Ch5 yêu cầu Lan A trả lại 150.000.000 đồng;

+ Ông Vũ Văn T4 yêu cầu Lan A trả lại 208.000.000 đồng;

+ Ông Đỗ Ngọc T6 yêu cầu Lan A trả lại 185.000.000 đồng;

+ Bà Lê Thị Ch4 yêu cầu Lan A trả lại 300.000.000 đồng;

+ Bà Võ Thị X2 yêu cầu Lan A trả lại 502.000.000 đồng;

+ Bà Phạm Thị Thùy Na yêu cầu Lan A trả lại 240.000.000 đồng;

+ Ông Phạm Quang Tr3 yêu cầu Lan A trả lại 205.000.000 đồng;

+ Ông Nguyễn Văn Q3 yêu cầu Lan A trả lại 1.800.000.000 đồng;

+ Ông Nguyễn Văn D5 yêu cầu Lan A trả lại 1.500.000.000 đồng.

[9] Đối với số tiền 70.000.000 đồng mà bà Trần Thị L3 nhận từ bị cáo Nguyễn Thị Lan A là khoản tiền chênh lệch từ lợi nhuận giao dịch do bị cáo Lan A thực hiện hành vi phạm tội đối với ông Trần C, nên cần buộc bà L3 phải có trách nhiệm giao trả lại cho ông Trần C;

[10] Đối với số tiền 30.000.000 đồng mà ông Lê Xuân S4 có được là khoản tiền chênh lệch từ lợi nhuận giao dịch do bị cáo Lan A thực hiện hành vi phạm tội đối với bà Phạm Thị Thúy N2, nên cần buộc ông S4 phải có trách nhiệm giao trả lại cho bà Phạm Thị Thúy N2.

[11] Về xử lý vật chứng: 02 (hai) thiết bị điện tử CPU máy tính màu đen; 01 (một) USB màu đen; 01 (một) đĩa CD; 01 (một) màn hình máy tính hiệu LG, màu trắng; 01 (một) bàn phím máy tính; 01 (một) con chuột máy tính (thu giữ khi khám xét); Cơ quan điều tra đã xử lý trong giai đoạn điều tra nên không đặt ra xem xét;

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xám xanh là tài sản riêng của bị cáo không sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho Nguyễn Thị Lan A.

[12] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Ý kiến của người bào chữa chỉ định cho bị cáo là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thanh L7 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án và có trách nhiệm bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lan A 16 (mười sáu) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 04 (bốn) năm tù về tội "Sử dụng giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 4 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc bị cáo Nguyễn Thị Lan A có trách nhiệm bồi thường cho:

+ Ông Trần C số tiền 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng;

+ Bà Trần Thị L3 số tiền 520.000.000 (năm trăm hai mươi triệu) đồng;

+ Ông Nguyễn Thành Đ2 số tiền 580.000.000 (năm trăm tám mươi triệu) đồng;

+ Ông Nguyễn Quyết Ch2 số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng;

+ Ông Bùi Văn Th4 số tiền 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng;

+ Ông Phạm Văn Ch5 số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng;

+ Ông Vũ Văn T4 số tiền 208.000.000 (hai trăm lẻ tám triệu) đồng;

+ Ông Đỗ Ngọc T6 số tiền 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng;

+ Bà Lê Thị Ch4 số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng;

+ Bà Võ Thị X2 số tiền 502.000.000 (năm trăm lẻ hai triệu) đồng;

+ Bà Phạm Thị Thúy N2 số tiền 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng;

+ Ông Phạm Quang Tr3 số tiền 205.000.000 (hai trăm lẻ năm triệu) đồng;

+ Ông Nguyễn Văn Q3 số tiền số tiền 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng;

+ Ông Nguyễn Văn D5 số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng;

Buộc bà Trần Thị L3 có trách nhiệm trả lại cho ông Trần C số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng;

Buộc ông Lê Xuân S4 có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị Thúy N2 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng;.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại cho Nguyễn Thị Lan A: 01 (một) điện thoại di động OPPO màu xám xanh, có gắn sim số 0989 284 xxx và 0373 032 xxx; được đựng trong bì thư niêm phong, có chữ ký Trịnh Ngọc Thọ, điều tra viên Nguyễn Văn Chiến và dấu đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết Số X26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Thị Lan A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 115.185.000 (một trăm mười lăm triệu một trăm tám mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được giao theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GĐKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Hồ sơ - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng (32);
- Trại Tạm giam số 2 - Công an TP. Hồ Chí Minh (02);
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng Giám đốc kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án hình sự (03);
- Lưu: VP (9), hồ sơ vụ án, 56, (4).

Trương Văn Lộc